

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2023

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Thủy

Bà Nguyễn Thị Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp: “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1957 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Hoa Kỳ;

Người đại diện theo ủy quyền nhận thay văn bản tố tụng: Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/8/2022).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/8/2022 nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày:

Ông và bà L do mai mối tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P theo Giấy chứng nhận

đăng ký kết hôn số: 14 ngày 07/10/2019. Sau khi kết hôn ông phải về Hoa Kỳ để sinh sống và làm việc, do chưa làm thủ tục bảo lãnh nên bà L vẫn ở lại Việt Nam sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng cũng có gọi điện thoại, nhắn tin trao đổi để vun đắp tình cảm. Nhưng đến năm 2021, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên ở xa nhau nên bà L thường ghen tuông vô cớ, thường xuyên xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của ông. Cụ thể bà L thường xuyên nói xấu ông quen nhiều người phụ nữ khác với mọi người ở xóm làng. Từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, ông không về Việt Nam và vợ chồng cũng không gặp nhau hay trao đổi qua điện thoại, tin nhắn để hàn gắn lại tình cảm. Từ khi kết hôn vợ chồng đã không sống cùng nhau và sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/6/2023 bị đơn Bà Lê Thị Kim L trình bày:

Bà không đồng ý ly hôn với ông Trần Minh T, trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông T phải trả bà toàn bộ số tiền 202.000.000 đồng (chi phí tổ chức đám cưới, thủ tục, giấy tờ) và 9.700 USD gửi Ngân hàng để bà có thể định cư Hoa Kỳ. Bà và ông T quen biết nhau là do bà Kim A và bà Lương Thị H (mẹ bà Kim A) mai mối năm 2018. Lúc đầu bà định làm đám cưới để ông T bảo lãnh bà đi Hoa Kỳ. Trước khi cưới thì hai bên có nói chuyện cảm thấy hợp nhau nên hai bên có phát sinh tình cảm và tổ chức năm 2019. Sau khi đăng ký kết hôn xong thì trong vòng 01 tháng ông T về Hoa Kỳ, trong thời gian này ông T có làm thủ tục bảo lãnh bà qua Hoa Kỳ, bà có đi phỏng vấn vào tháng 5/2022 nhưng không đủ giấy tờ, đến tháng 10/2022 khi bà phỏng vấn lần 2 thì Lãnh sự quán Hoa Kỳ thông báo với bà là ông T làm đơn ly hôn với bà. Trong thời gian này ông T có quan hệ tình cảm cháu của bà Kim A nên ly hôn với bà.

Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà, bà không đồng ý, khi nào ông T trả hết toàn bộ chi phí cho bà thì bà mới đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử sơ thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ

khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Minh T, cho ông T được ly hôn với bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp “Xin ly hôn” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn là ông Trần Minh T có quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ; bị đơn là bà Lê Thị Kim L hiện đang cư trú tại ấp K, xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3]. Về tố tụng: Ông Trần Minh T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[4]. Về nội dung vụ án, xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Minh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông T và bà L xác lập quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 07/10/2019 tại UBND huyện P, tỉnh Tiền Giang nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông T trình bày: Sau khi kết hôn ông phải về Hoa Kỳ để sinh sống và làm việc, bà L vẫn ở lại Việt Nam. Thời gian đầu vợ chồng cũng có gọi điện thoại, nhắn tin trao đổi để vun đắp tình cảm. Nhưng đến năm 2021, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, bà L thường ghen tuông vô cớ, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của ông. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Kim L không đồng ý ly hôn với ông T, bà yêu cầu ông T phải trả hết nợ cho bà (tiền vé máy bay, tiền mua quà, tiền làm thủ tục để bà xuất cảnh) thì bà mới đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, sau đó bà khẳng định vẫn còn tình cảm với ông T nên không muốn ly hôn, bà muốn trực tiếp gặp mặt ông T để trao đổi.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T và bà L là có thật, bà L không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà L muốn trực tiếp gặp mặt ông T nhưng hiện nay ông T đang định cư tại Hoa Kỳ còn bà L thì sinh sống tại Việt Nam. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn cho thấy ông đã không còn tình cảm gì với bà L, việc kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho bà L và ông T. Bà L không có đơn yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ. Việc ông T nợ tiền, bà L có thể khởi kiện bằng một vụ án khác khi bà có yêu cầu. Hơn nữa đây không phải tranh chấp tài sản chung, nợ chung trong vụ án hôn nhân và gia đình nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án ly hôn giữa bà L và ông T.

Theo kết quả xác minh từ Cục quản lý xuất nhập cảnh tại thành phố Hồ Chí Minh thì từ khi kết hôn vào năm 2019 ông T chỉ về Việt Nam 01 lần vào ngày 10/8/2022 và xuất cảnh ngày 07/9/2022 cho thấy vợ chồng ông bà thường xuyên phải sống xa nhau, khoảng cách địa lý đã làm tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn khả năng hàn gắn. Do đó, việc ông T yêu cầu ly hôn với bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà L đều trình bày không có.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 273, điểm a khoản 1 Điều 474; điểm a Khoản 5 Điều 477; Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh T được ly hôn với bà Lê Thị Kim L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà L trình bày không có.

2. Về án phí: Ông Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000322 ngày 06/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với ông Trần Minh T thì thời hạn kháng cáo là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan